TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 87/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2018
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nga
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Đức
2. Ông Đỗ Khắc Kiếm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:* Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N - Sinh năm: 1988 (có mặt)
HKTT: Đường D, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ hiện nay: thôn C, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K - Sinh năm: 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: Đường D, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng bảy năm, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau, không thể cùng chăm lo cho cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng

đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị về nhà mẹ đẻ để sinh sống từ cuối năm 2016 đến nay, từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung: cháu Nguyễn Thúy T sinh ngày 25/11/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Y sinh ngày 18/01/2014. Ly hôn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu Ngọc Y, anh K trực tiếp nuôi cháu Thúy T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn K: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận , công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thay thế thành viên những người tiến hành tố tụng nhưng anh không có mặt.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Trưởng phố nơi anh K, chị N cư trú cung cấp nội dung như sau: Chị N, anh K kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới. Sau khi kết hôn anh, chị cư trú tại địa phương, đến năm 2016 chị N bỏ đi khỏi địa phương nghe nói là đi chữa bệnh và đã về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay. Phố biết anh, chị xảy ra mâu thuẫn nhưng không biết rõ nguyên nhân. Hiện tại anh K đang sinh sống tại đường D, phường N, thành phố T. Anh K ngày đi làm trưa và tối mới về nhà, anh K có biết việc chị N khởi kiện xin ly hôn anh tại Tòa án. Chị N và anh K có 02 con chung: cháu Nguyễn Thúy T sinh ngày 25/11/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Y sinh ngày 18/01/2014. Hiện tại, cháu T đang ở với anh K, cháu Y ở với chị N.

Thu thập chứng cứ lời khai của bà Đ - mẹ đẻ anh K: Chị N, anh K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, sau đó chung sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống, bà không thấy vợ chồng xảy ra va chạm, cãi vã nhau. Sau đó chị N về nhà ngoại rồi ở luôn. Bà có hỏi nguyên nhân thì chị N nói sống với anh K không hạnh phúc. Anh K có gặp chị N nhiều lần mong quay về đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó. Nay chị N muốn ly hôn anh K, gia đình bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con, đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh K nuôi dưỡng vì cháu T đang ở với anh K, cháu Y cho chị N nuôi dưỡng vì cháu đang ở với chị N. Anh K đang sinh sống với gia đình bà, sáng đi làm tối mới về, các giấy tờ của Tòa án giao cho anh K, gia đình bà đã giao ngay lại cho anh K, còn việc anh K có lên trên Tòa làm việc hay không bà không biết.

Tại phiên tòa, chị N có ý kiến như sau: Về hôn nhân: chị N đề nghị được ly hôn anh K. Về con chung, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Ngọc Y, anh K trực tiếp nuôi cháu Thúy T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội

đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là không tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Văn K, chị Phạm Thị N cư trú trên địa bàn thành phố T. Nay chị N có đơn yêu cầu xin ly hôn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh K nhiều lần nhưng anh vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa tiến hành thụ lý, xét xử vụ án.

[2]*Về nội dung:*

- *Về hôn nhân*: Chị N, anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị N nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau, không thể cùng chăm lo cho cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ cho anh K các văn bản tố tụng nhưng anh K không đến Toà án làm việc. Điều này cho thấy anh K không có thiện chí đoàn tụ. Tại phiên tòa chị N kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân giữa vợ chồng anh chị không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật HN và GĐ chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh K.

- *Về con chung:* Anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thúy T sinh ngày 25/11/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Y sinh ngày 18/01/2014. Ly hôn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu Ngọc Y, anh K trực tiếp nuôi cháu Thúy T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đề nghị của chị N là chính đáng, việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là trách nhiệm của cha mẹ. Đồng thời, phải xem xét mọi mặt, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, cũng như phải xem xét đến nguyện vọng của con trên 7 tuổi theo quy định của pháp luật. Hơn nữa, kể từ khi chị N và anh K sống ly thân từ năm 2016 đến nay, cháu T do anh K trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Y do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, các cháu đã ổn định về sinh hoạt và quen với sự quan tâm chăm sóc của bố mẹ. Để đảm bảo cuộc sống tốt nhất về mọi mặt vật chất cũng như tinh thần khi bố mẹ ly hôn. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật HN và GĐ, cần giao cháu Thúy T cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Ngọc Y cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

- *Về tài sản, công nợ*: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, chị N chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn K

Về con chung: chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn K có 02 con chung là cháu Nguyễn Thúy T sinh ngày 25/11/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Y sinh ngày 18/01/2014. Giao cháu Thúy T cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Ngọc Y cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005222 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị N đã nộp đủ án phí).

Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.Thanh Hóa;
- UBND P.N;
- Chi cục THADS TPTH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Nga